

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm trước sự điều chỉnh của nhóm cổ phiếu ngân hàng và bất động sản

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

V#KBSectorBulletBody MBB, HVN

[Cập nhật công ty]

DBC

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị chốt lời từng phần tại với các cổ phiếu đang tiếp cận các vùng kháng cự đáng lưu ý và chỉ kê mua trở lại một phần tỷ trọng trong các phiên điều chỉnh về lại vùng hỗ trợ sau đó

06/07/2023

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,126.22	-0.74
VN30	1,119.44	-0.91
HĐTL VN30F1M	1,116.00	-0.71
HNXIndex	225.08	-1.21
HNX30	431.52	-1.22
UPCoM	85.09	-0.37
USD/VND	23,755	-0.01
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.69	+3
Lãi suất qua đêm (%)	0.55	-5
Dầu (WTI, \$)	72.06	+0.38
Vàng (LME, \$)	1,916.76	+0.08



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,126.22 (-0.74%)
KLGD (triệu CP) 870.6 (+23.1%)
GTGD (triệu US\$) 783.6 (+8.2%)

TTCK Việt Nam giảm điểm trước sự điều chỉnh của nhóm cổ phiếu ngân hàng và bất động sản với thanh khoản tăng. Khối ngoại bán ròng, tập trung tại STB (-2.7%), VCB (-1.3%) và VNM (+1.0%)

HNXIndex 225.08 (-1.21%)
KLGD (triệu CP) 109.1 (+9.4%)
GTGD (triệu US\$) 71.5 (+23.7%)

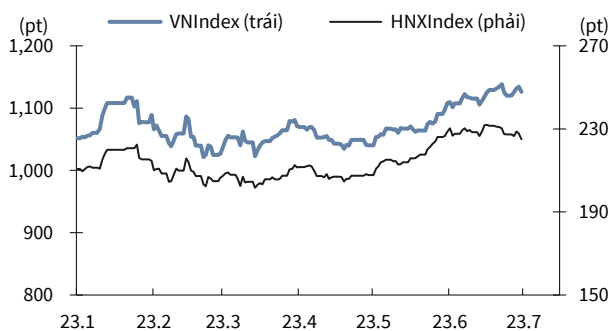
Theo GSO, xuất khẩu nhóm hàng dệt may tháng 6/2023 đạt 3,100 triệu USD, tăng 19.2% so với tháng 5/2023. Nhóm cổ phiếu Dệt may tăng giá ở TNG (+1.03%), GIL (+6.87%).

UPCoM 85.09 (-0.37%)
KLGD (triệu CP) 45.9 (-25.9%)
GTGD (triệu US\$) 25.5 (-9.2%)

Theo Hiệp hội Xuất khẩu và Chế biến Thủy sản Việt Nam (VASEP), trong tháng 6/2023, xuất khẩu thủy sản ước đạt 750 triệu USD, giảm 25.2% so với cùng kỳ năm 2022. Cổ phiếu nhóm Thủy sản giảm giá ở ASM (-1.73%), ANV (-0.4%).

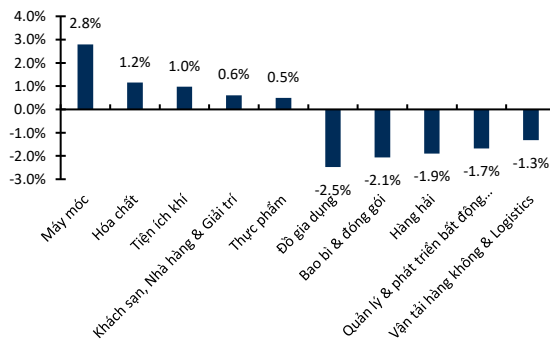
NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -13.8

VNIndex & HNXIndex



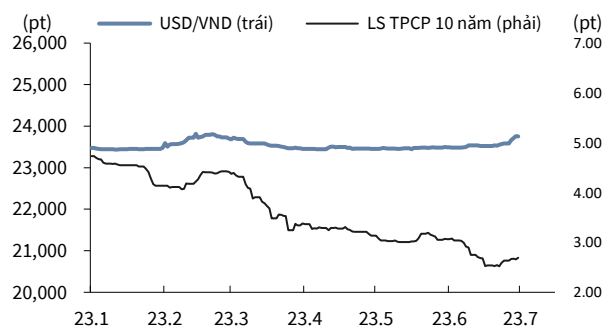
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

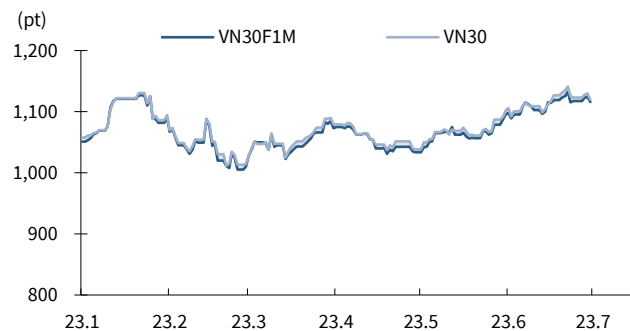
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,119.44 (-0.91%)
VN30F1M	1,116.0 (-0.71%)
Mở cửa	1,122.5
Cao nhất	1,124.3
Thấp nhất	1,111.2

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2307 và VN30 mở cửa ở mức -7.26 điểm, sau đó biến động giằng co quanh mức -5.1 điểm và đóng cửa tại -3.44 điểm. Khối lượng giao dịch tăng.

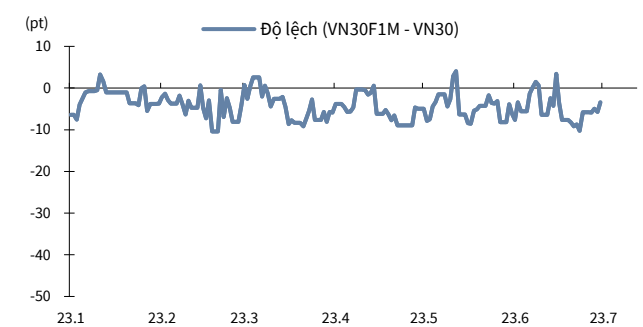
KLGD (HĐ) **164,340 (+21.2%)**

HĐTL VN30F1M & VN30



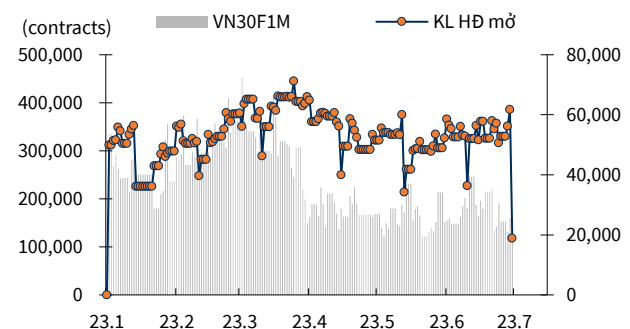
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



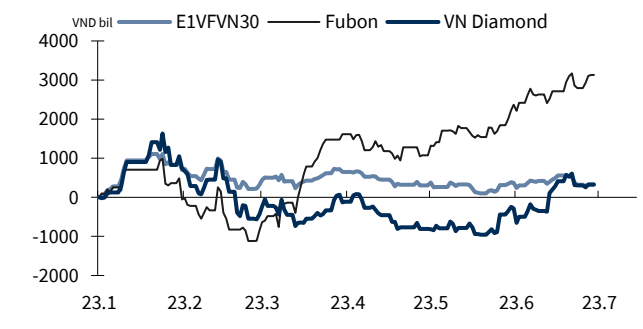
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

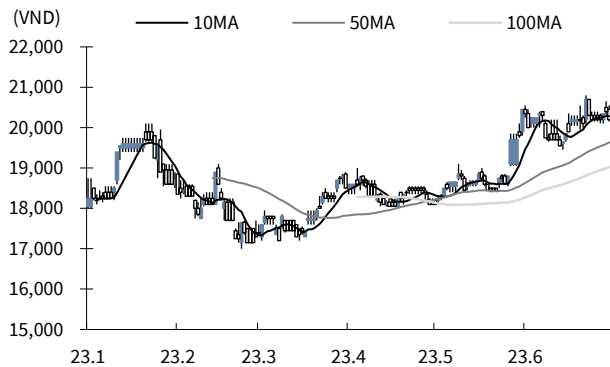
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

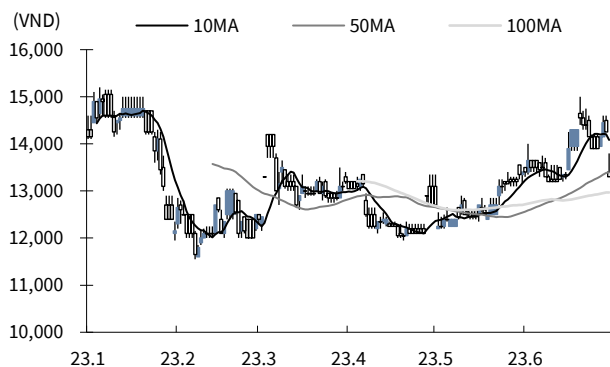
Ngân hàng TMCP Quân Đội (MBB)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- MBB giảm 1% xuống 20,200 VND/cp
- Ngân hàng TMCP Quân đội vừa thông báo về kế hoạch thực hiện việc chia cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế để lại lũy kế của năm 2022. Theo đó, ngân hàng sẽ phát hành khoảng 680 triệu cổ phiếu để trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 15% (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận 15 cổ phiếu mới). Ngày đăng ký cuối cùng là ngày 17/7/2023.

Tổng Công ty Hàng không Việt Nam (HVN)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HVN giảm -6.7% xuống 13,300 VND/cp
- Trong thông báo mới nhất, Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM vừa ra quyết định chuyển cổ phiếu HVN của Tổng Công ty Hàng không Việt Nam từ diện kiểm soát sang diện hạn chế giao dịch kể từ ngày 12/7/2023. Lý do HoSE đưa ra là Vietnam Airlines chậm nộp báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 quá 45 ngày so với thời hạn quy định. Như vậy, 2.2 tỷ cổ phiếu HVN sẽ chỉ được giao dịch vào phiên chiều.

CTCP Tập đoàn Dabaco Việt Nam (DBC)

Kỳ vọng đáy lợi nhuận trong trung hạn

06/07/2023

 Chuyên viên phân tích Thái Hữu Công
 congth@kbsec.com.vn

Doanh thu và LNST của DBC trong 1Q2023 đạt lần lượt 2,402 tỷ đồng và -320 tỷ đồng

Doanh thu quý 1/2023 của DBC đạt 2,402 tỷ VND (-17.7% YoY) và hoàn thành 9.7% kế hoạch 2023. Doanh thu sụt giảm so với cùng kỳ do nhu cầu tiêu thụ TACN sụt giảm, diễn biến giá lợn hơi kém khả quan cùng với việc kinh tế phục hồi chậm khiến hoạt động kinh doanh siêu thị và khách sạn gặp nhiều khó khăn. LNST theo đó giảm sâu xuống mức -320 tỷ đồng, thấp nhất trong vòng 15 năm trở lại đây.

Giá thịt lợn tăng mạnh từ vùng đáy lên mức 62,000 VND/kg trong tháng 6

Nhu cầu tiêu thụ cải thiện trong bối cảnh nguồn cung thịt lợn sụt giảm do dịch tả lợn Châu Phi và tỷ lệ tái đàn thấp giúp cho giá thịt heo hồi phục lên mức 61-62,000 đồng/kg. Dự kiến giá thịt heo sẽ tiếp tục xu hướng hồi phục và dao động quanh mức 65-68,000 đồng/kg trong giai đoạn nửa cuối năm.

Giá nguyên liệu đầu vào thường có xu hướng giảm trong giai đoạn El Nino và giúp cải thiện biên lợi nhuận

Giá nguyên liệu đầu vào như ngô, đậu tương, ... thường có xu hướng giảm trong giai đoạn El Nino nhờ lượng mưa được cải thiện cũng như nguồn cung nông sản gia tăng tại các quốc gia xuất khẩu nông sản lớn như Mỹ, Brazil, Argentina. Chi phí đầu vào của DBC được kỳ vọng tiếp tục sụt giảm theo xu hướng chung của thế giới

Khoản lợi nhuận 150 tỷ đồng từ dự án Parkview kỳ vọng giúp DBC tránh khỏi việc ghi nhận KQKD âm trong 1H2023

Đối với dự án bất động sản Parkview, DBC đã hoàn tất các yêu cầu theo các quy định về phòng cháy chữa cháy trong tháng 06/2023. Khoản lợi nhuận 150 tỷ đồng được kỳ vọng sẽ giúp DBC tránh khỏi việc ghi nhận kết quả kinh doanh âm trong 1H2023.

Khuyến nghị MUA – giá mục tiêu 27,400 VND/cổ phiếu

Dựa trên triển vọng kinh doanh và các rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi đưa ra khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu DBC giá mục tiêu 27,400 VND/cổ phiếu, tương đương với tỷ suất sinh lời 17.85% so với giá đóng cửa ngày 05/07/2023.

Mua thay đổi

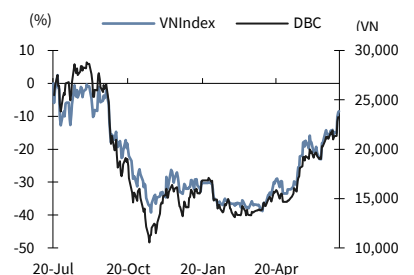
Giá mục tiêu	27,400 VND
Tăng/giảm (%)	17.85%
Giá hiện tại (05/07/2023)	23,250 VND
Giá mục tiêu đồng thuận	17,790 VND
Vốn hóa thị trường (tỷ VND/ triệu USD)	5.626,54 /244,6

Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	70
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/tr USD)	114/4.8
Sở hữu nước ngoài (%)	7.15
Cổ đông lớn	Nguyễn Như So (28.49%)

Biến động giá cổ phiếu (%)				
	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	21	49	39	-14
Tương đối	18	42	36	-8

Dự phóng KQKD & định giá

	2020	2021	2022	2023F	2024F
Doanh thu thuần (tỷ VND)	10.022	10.813	11.558	12.524	12.900
EBIT	1.864	1.162	259	419	1.022
LN sau CĐTS	1.400	830	5	82	586
EPS (VND)	13.366	7.199	21	340	2.420
Thay đổi EPS (%)		-46%	-100%	1517%	613%
P/E (x)	1,8	4,8	671,4	80,4	11,3
EV/EBITDA	3,57	6,34	14,18	20,61	
P/B (x)	1,4	1,8	0,7	1,4	
ROE (%)		19%	0%	2%	



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

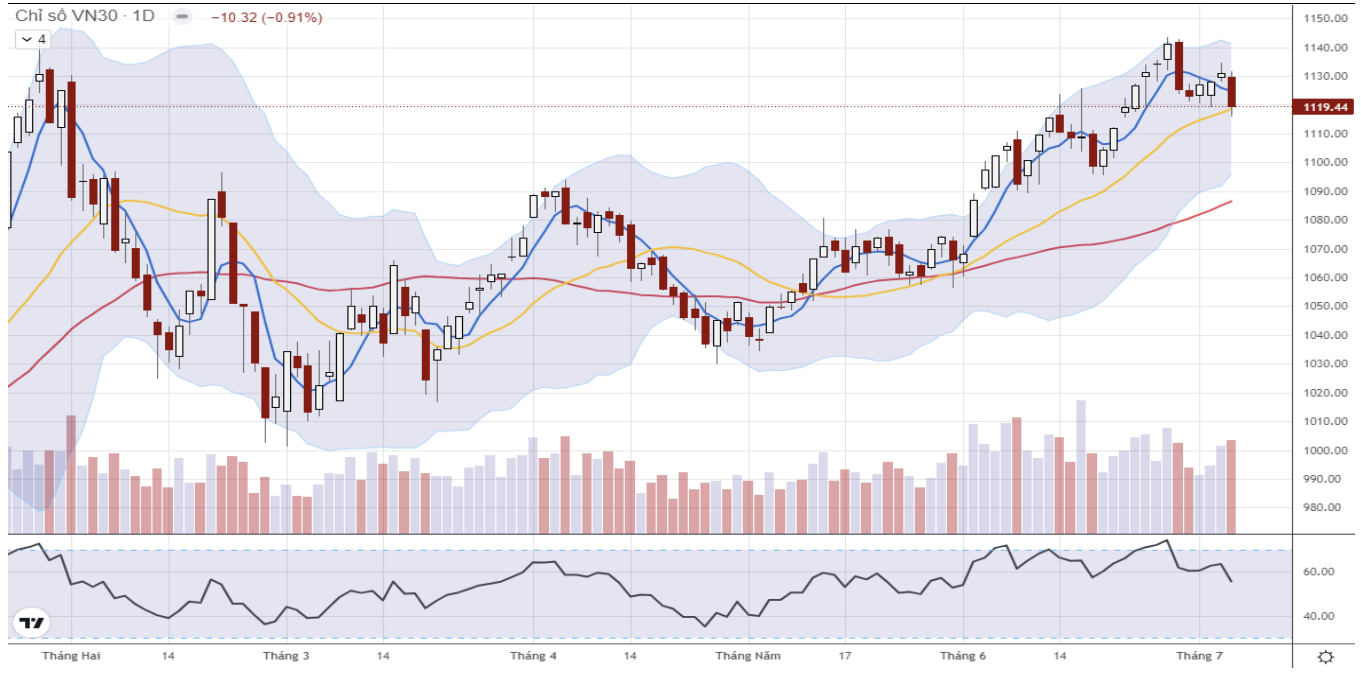
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



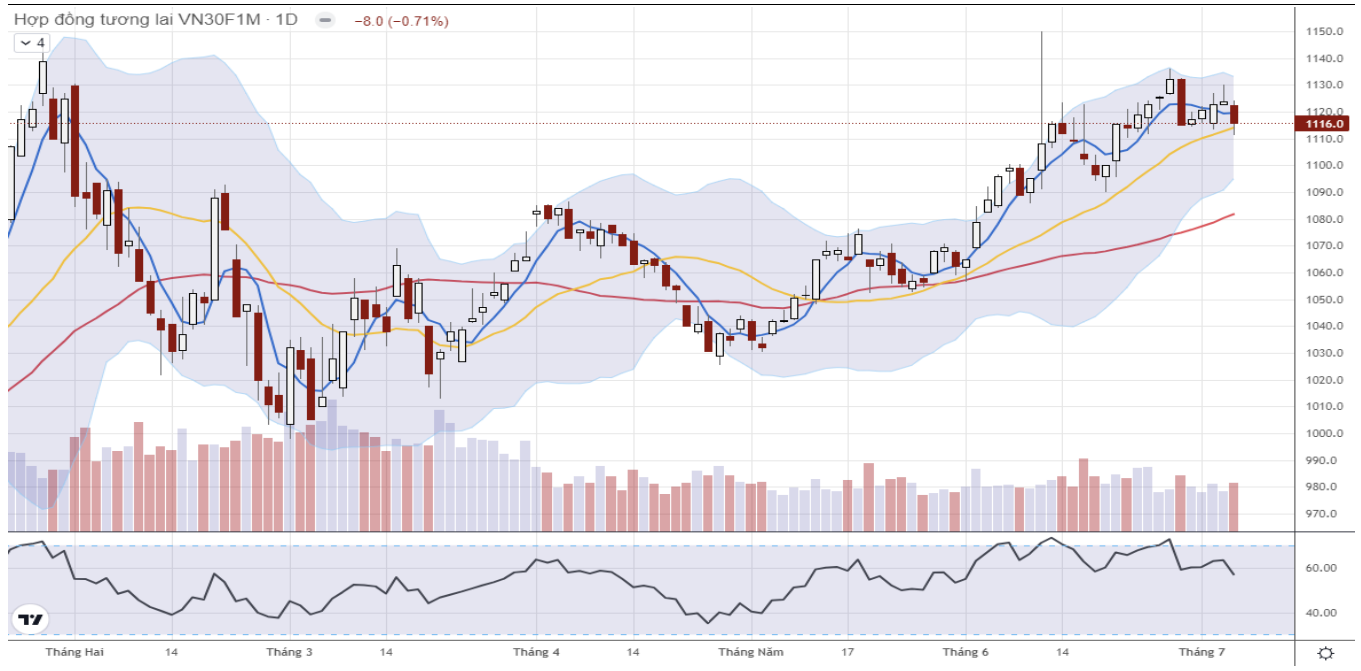
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex giảm điểm với biên độ mở rộng trong phiên trước khi hồi phục một phần về cuối phiên.
- Áp lực bán có phần suy yếu về cuối phiên kết hợp với việc ngưỡng hỗ trợ gần 1120 cho phản ứng đã giúp chỉ số tránh được một nhịp giảm sâu. Mặc dù rủi ro mở rộng nhịp giảm điểm vẫn đang hiện hữu, ngưỡng hỗ trợ sâu quanh 1100 – 1105 được kỳ vọng sẽ tạo điểm đỡ đáng chú ý cho VNIndex.
- NĐT được khuyến nghị chốt lời từng phần tại với các cổ phiếu đang tiếp cận các vùng kháng cự đáng lưu ý và chỉ kê mua trở lại một phần tỷ trọng trong các phiên điều chỉnh về lại vùng hỗ trợ sau đó

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1128 - 1131

Kháng cự gần: 1120 - 1122

Hỗ trợ gần: 1109 - 1111

Hỗ trợ xa: 1095 - 1100

- F1 giảm điểm với biên độ mở rộng trong phiên trước khi hồi phục một phần về cuối phiên.
- Áp lực bán có phần suy yếu về cuối phiên kết hợp với việc ngưỡng hỗ trợ gần 1111 cho phản ứng đã giúp chỉ số tránh được một nhịp giảm sâu. Mặc dù rủi ro mở rộng nhịp giảm điểm vẫn đang hiện hữu, ngưỡng hỗ trợ sâu quanh 1095 - 1100 được kỳ vọng sẽ tạo điểm đỡ đáng chú ý cho F1.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở SHORT tại kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Ưu tiên SHORT tại kháng cự.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

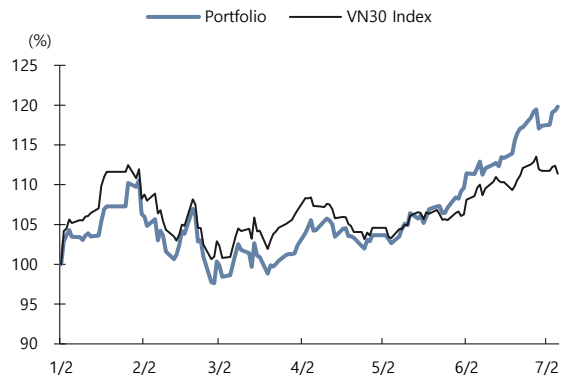
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.91%	0.44%
Tăng lũy kế (YTD)	11.37%	19.80%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 06/07/2023	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	43,200	-0.3%	11.8%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
SSI Securities (SSI)	30/01/2023	26,300	0.4%	25.5%	- Tiếp tục giữ vị trí dự nợ cho vay kỳ quỹ lớn nhất trong ngành - Kỳ vọng hưởng lợi khi xu hướng lãi suất hạ nhiệt từ mức nền cao cuối 2022
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	72,600	-1.5%	26.3%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Tien Phong Bank (TPB)	11/11/2021	18,200	0.6%	3.4%	- NIM duy trì ổn định nhờ nguồn vốn huy động giá rẻ - Ngân hàng tiên phong trong lĩnh vực chuyển đổi số - Rủi ro đối với vấn đề TPDN kỳ vọng hạ nhiệt trong năm 2023
Dabaco Group (DBC)	30/01/2023	24,000	3.2%	40.4%	- Giá lợn hơi và thịt gà được kỳ vọng sẽ tiếp tục xu hướng hồi phục trong 2023 - Giá TACN giảm, tương đồng với giá nông sản thế giới, sẽ giúp biên LNG cải thiện
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	74,600	-0.3%	253.6%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mạng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	29,350	-0.7%	55.3%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	95,200	1.0%	29.7%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	27,000	0.2%	142.5%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbạc City Development (KBC)	09/03/2020	30,050	1.9%	192.5%	- Giá bán khu đô thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
HPG	0.2%	25.7%	54.3
KBC	1.9%	19.4%	23.8
PTB	7.0%	14.5%	22.0
CTG	-0.7%	27.2%	20.4
SSI	0.4%	43.4%	20.4

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
STB	-2.7%	25.6%	-122.9
VCB	-1.3%	23.6%	-77.9
VNM	1.0%	53.9%	-68.9
NLG	-3.4%	43.5%	-36.5
HDB	-1.4%	19.7%	-35.8

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
SHS	0.0%	8.3%	26.5
TNG	1.0%	19.0%	2.3
VCS	-0.2%	2.9%	1.7
MBS	1.6%	0.7%	1.5
CEO	-2.9%	5.1%	0.6

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVS	-2.4%	20.8%	-21.9
IDC	-0.9%	1.1%	-21.4
VNR	-1.6%	27.2%	-1.0
BVS	-1.2%	5.4%	-1.0
THD	-0.8%	0.7%	-0.8

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dầu, khí và nhiên liệu tiêu hao	7.1%	PLX, PGC, CNG, GSP
Hóa chất	6.1%	GVR, DGC, DPM, DCM
Hàng hải	4.6%	VSC, VOS, SKG, VTO
Chứng khoán	4.4%	SSI, VND, HCM, VCI
Kim loại & khai thác	4.2%	HPG, HSG, NKG, KSB

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bao bì & đóng gói	-3.4%	TDP, SVI, MCP, TPC
Giấy & lâm sản	-3.3%	DHC, HAP, HHP, VID
Đồ gia dụng	-3.3%	TTF, GDT, EVE, SAV
Hàng dệt, may & hàng xa xỉ	-2.3%	PNJ, TCM, MSH, GIL
Vận tải hàng không & Logistics	-2.2%	TMS, SCS, STG, ASG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Kim loại & khai thác	22.9%	HPG, HSG, NKG, KSB
Hàng hải	18.5%	VSC, VOS, SKG, VTO
Dược	14.7%	DHG, IMP, TRA, DBD
Sản phẩm xây dựng	14.6%	VGC, BMP, SHI, DAG
Thiết bị điện	11.0%	GEX, SAM, CAV, RAL

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tiện ích điện	-4.0%	PGV, NT2, PPC, TTA
Đồ uống	-3.8%	SAB, BHN, SMB, SCD
Đồ gia dụng	-2.9%	TTF, GDT, EVE, SAV
Hàng không dân dụng	-2.4%	VJC, HVN
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-2.2%	TNH, JVC, VMD

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	103,308 (4.4)	22.5	68.0	62.2	14.7	2.5	2.7	1.7	1.7	-1.2	-2.7	-5.3	-6.3
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	92,971 (3.9)	26.6	7.7	7.2	35.9	19.4	17.7	1.4	1.1	-2.9	-0.9	-0.9	13.5
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	100,947 (4.3)	17.8	15.5	14.0	-7.6	11.0	11.9	1.7	1.6	-2.0	-0.2	-1.5	2.5
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	557,781 (23.7)	31.3	-	-	6.7	-1.8	-3.4	0.8	0.8	-2.0	-4.0	5.9	2.9
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	72,913 (3.1)	11.6	23.0	15.9	13.7	8.1	11.3	1.7	1.6	-1.8	-1.8	1.3	14.0
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	263,895 (11.2)	13.9	42.9	33.4	-	2.3	2.9	0.9	0.9	-3.6	-2.0	-2.0	14.5
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	88,700 (3.8)	6.3	14.4	12.8	11.7	22.3	20.2	2.8	2.3	-1.3	-1.2	1.7	25.9
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	54,203 (2.3)	12.7	12.3	9.2	-5.3	20.3	20.6	1.9	1.6	-0.9	-1.2	-1.9	13.9
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	140,280 (6.0)	0.0	5.8	4.8	14.3	15.8	16.2	0.8	0.7	-1.3	-3.4	-3.5	22.1
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	155,970 (6.6)	1.4	8.7	7.3	50.3	16.1	17.5	1.1	1.0	-0.7	-1.8	2.3	7.7
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	316,297 (13.4)	0.0	9.5	6.8	18.8	11.6	14.0	1.1	1.0	-2.0	-1.8	-1.5	9.2
	MBB	MILITARY COMMERC	16,173	73,327 (3,187)	234,636 (10.0)	0.0	4.8	4.2	14.6	23.5	22.1	1.0	0.8	-1.0	-0.5	-1.2	18.1
	HDB	HDBANK	16,320	40,641 (1,766)	43,711 (1.9)	4.2	4.9	4.7	23.3	22.9	20.4	1.0	0.9	-1.4	-0.8	-5.2	14.1
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	473,336 (20.1)	14.0	7.8	4.9	26.5	18.6	24.0	1.2	1.0	-2.7	-1.5	2.8	29.3
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	89,045 (3.8)	0.0	4.8	4.2	37.4	20.0	19.6	1.0	0.8	0.6	0.6	-1.8	20.3
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	15,417	22,745 (988)	163,118 (6.9)	0.2	-	-	27.3	16.3	16.5	-	-	-1.2	-5.0	-4.8	-14.3
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	44,291 (1.9)	21.0	16.1	14.7	15.8	10.0	10.3	1.6	1.5	0.4	1.6	0.1	-3.4
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	7,399 (0.3)	14.2	-	-	9.1	13.7	-	-	-	3.3	4.1	3.1	16.7
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	524,754 (22.3)	55.4	15.2	13.5	-3.2	11.3	11.9	1.6	1.4	0.4	3.3	4.6	48.6
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	206,992 (8.8)	71.9	17.2	15.2	-4.0	15.0	15.6	2.5	2.3	2.4	10.7	14.2	72.9
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	194,465 (8.3)	52.4	18.2	16.6	-19.0	10.3	10.2	1.7	1.6	0.2	5.7	6.9	48.0
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	679,388 (28.8)	27.2	12.9	12.8	36.3	12.2	11.5	1.5	1.4	-6.5	-4.0	-6.5	33.7
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	369,236 (15.7)	42.1	16.9	15.6	4.0	28.9	31.1	4.5	4.4	1.0	-1.9	6.2	-7.4
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	20,904 (0.9)	36.9	20.3	18.4	7.3	21.6	22.0	3.8	3.9	-0.3	-0.4	-4.1	-8.1
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	101,805 (4.3)	16.5	32.2	16.1	-51.9	8.0	12.9	3.8	2.9	0.3	0.8	3.3	-18.3
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	19,795 (0.8)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-1.8	-7.2	-1.8	-7.2
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	74,625 (3.2)	11.0	81.5	44.3	-88.5	5.9	11.2	-	-	0.0	0.2	-3.5	-13.9
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	41,976 (1.8)	10.8	10.5	16.8	-57.0	24.8	12.1	1.9	1.8	-0.6	3.5	2.9	17.8
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	212,867 (9.0)	38.4	14.3	11.6	65.7	2.4	3.8	0.9	0.9	-4.0	-2.5	-1.1	38.0
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	420,741 (17.9)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	-1.0	1.6	5.0	52.4
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	42,445 (1.8)	3.6	25.5	21.5	-52.4	2.5	2.8	-	-	-0.3	1.3	4.5	111.2
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	70,314 (3.0)	0.0	11.4	10.9	-4.5	15.9	15.3	1.6	1.5	-0.8	2.0	3.2	4.7

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	64,285 (2.7)	46.1	15.2	14.2	-17.5	19.0	18.2	2.8	2.6	1.0	0.6	0.1	-6.2
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	21,020 (0.9)	31.4	11.9	10.0	-10.5	14.4	19.8	1.9	1.9	-0.7	-3.2	-10.4	4.0
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	4,252 (0.2)	34.1	14.9	6.1	-5.1	6.9	15.7	-	-	-0.3	0.3	-2.1	26.9
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	645,445 (27.4)	18.0	18.5	12.5	21.9	9.2	11.7	1.5	1.4	0.2	4.7	24.1	50.0
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	101,679 (4.3)	36.5	9.2	10.5	-0.5	11.8	10.9	0.9	1.0	-1.5	0.6	6.9	-18.4
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	122,415 (5.2)	46.5	11.8	8.8	-4.5	11.6	15.8	1.4	1.3	-1.3	3.2	6.9	2.5
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	269,326 (11.4)	38.9	-	14.4	67.9	-0.7	6.7	1.0	0.9	-1.8	0.0	4.9	46.3
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	65,671 (2.8)	97.2	16.0	13.7	17.2	6.2	7.2	-	-	1.8	6.5	-1.3	66.9
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	35,832 (1.5)	4.6	16.5	16.0	-51.0	12.9	11.9	2.0	1.9	0.0	7.5	3.6	27.1
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	134,873 (5.7)	39.9	41.3	12.9	-11.9	4.6	7.9	1.0	0.9	-2.0	2.0	3.3	40.1
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	80,370 (3.4)	35.9	8.3	7.4	2.2	14.5	14.5	1.1	1.0	-1.3	1.1	6.9	5.2
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	165,621 (7.0)	0.0	22.1	12.7	14.4	11.1	17.5	2.5	2.2	-0.3	1.2	3.3	0.7
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	67,179 (2.9)	0.0	13.8	11.2	2.4	20.3	22.4	2.5	2.1	-1.5	-3.2	-0.3	-19.2
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	1,466 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-1.4	-1.4	6.2	53.8
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	75,230 (3.2)	30.3	89.6	24.9	-75.2	4.7	16.3	4.5	3.8	-0.7	11.2	30.0	24.2
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	34,067 (1.4)	34.6	11.4	11.4	41.2	17.6	15.8	1.9	1.6	-0.3	6.0	5.0	25.3
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	5,384 (0.2)	45.4	13.8	12.7	10.7	25.6	24.6	3.5	2.9	-1.3	1.9	16.7	54.2
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	81,352 (3.5)	0.0	16.0	13.2	15.5	27.5	28.0	3.9	3.4	-0.3	-0.8	0.6	11.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích doanh nghiệp

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyenn1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuann1@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Khoảng phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anhdt@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congh@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tiens@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.